

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Chương trình công tác năm 2022 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức xây dựng dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Lưu vực sông Cửu Long có tổng diện tích tự nhiên khoảng 39.945 km², bao gồm: 13 tỉnh, thành phố: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ.

Lưu vực sông Cửu Long có vị trí rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Với tiềm năng nông nghiệp lớn, trong nhiều năm qua, lưu vực sông Cửu Long luôn đóng góp khoảng 50% sản lượng lúa gạo, 70% lượng trái cây của cả nước, và đóng góp 90% sản lượng gạo xuất khẩu, 60% sản lượng thủy sản xuất khẩu. Nguồn nước lưu vực sông Cửu Long được đánh giá là dồi dào với tổng lượng tài nguyên nước hàng năm khoảng 471 tỷ m³, trong đó lượng nước nội sinh từ mưa trên lưu vực sông Cửu Long khoảng 30 tỷ m³ và lượng nước từ thượng lưu chảy về lưu vực sông Cửu Long khoảng 441 tỷ m³.

Hiện nay, lưu vực sông Cửu Long đã và đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng, nhất là các tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) như nước biển dâng (NBD), hạn hán, gia tăng xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đất, các tác động do khai thác, sử dụng tài nguyên nước ở thượng lưu Mê Công... Những vấn đề lớn mà tài nguyên nước lưu vực sông Cửu Long đang phải đối mặt là:

(1) Hạn chế trong điều kiện tự nhiên và tác động của BĐKH đến tài nguyên nước: Tuy nằm ở hạ lưu châu thổ sông Mê Công, thừa hưởng nhiều thuận lợi từ vị trí địa lý, nguồn nước phong phú, đất đai bằng phẳng, màu mỡ và được phù sa bồi đắp hàng năm, thủy sản dồi dào với nhiều giống loài, bờ biển và vùng biển rộng lớn với nhiều tài nguyên..., song lưu vực sông Cửu Long cũng luôn đối mặt với không ít khó khăn và hạn chế trong điều kiện tự nhiên, với những tác động không nhỏ và khôn lường từ các hoạt động ở thượng lưu, và hơn cả là với các mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường ngay chính trong nội tại của lưu vực. Những hạn chế chính của điều kiện tự nhiên là (a) ảnh hưởng của lũ trên diện tích 1,4 - 1,9 triệu ha ở vùng đầu nguồn; (b) mặn xâm nhập trên diện tích 1,2 - 1,6 triệu ha ở vùng ven biển (với độ mặn 4g/l); (c) đất phèn và sự lan truyền nước chua trên diện tích khoảng 1,2 triệu ha ở những vùng thấp trũng; (d) thiếu nước ngọt và khô hạn ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt trên diện tích khoảng 2,1 triệu ha ở những vùng xa sông, gần biển; và (e) xói lở bờ sông, bờ biển xảy ra nhiều nơi và ngày càng nghiêm trọng.

BĐKH trong 30 năm qua, đặc biệt 10 năm gần đây có xu thế ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, gây nhiều tổn thất trên tất cả các mặt về kinh tế-xã hội và quốc phòng an ninh. Các biểu hiện rõ rệt nhất do tác động của BĐKH lên lưu vực sông Cửu Long là NBD (khoảng 12-15 cm trong 30 năm qua), xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng, hạn hán và cạn kiệt dòng chảy, xói lở bờ sông, bờ biển, mưa lớn gây ngập úng, phân hóa lũ ngày càng cao (số năm lũ nhỏ tăng, số năm lũ lớn giảm) và diễn biến lũ ngày càng phức tạp.

(2) Ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước phía thượng nguồn sông: Nằm ở cuối hạ nguồn lưu vực sông Mê Công, lưu vực sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh mẽ vào quá trình khai thác và sử dụng nước của tất cả các quốc gia thượng lưu, đặc biệt là tác động của hệ thống thủy điện cả trên dòng chính và dòng nhánh sông Mê công.

(3) Tác động tổng hợp của BĐKH và phát triển thượng lưu: BĐKH xảy ra trên toàn lưu vực sông Mê Công, kể cả thượng lưu và hạ lưu, trong đó có lưu vực sông Cửu Long. Tác động của BĐKH trên toàn lưu vực có thể dẫn đến thiếu hụt lượng mưa năm trên cả hay từng phần lưu vực, năm 2015 (khoảng 20%) khiến tổng lượng dòng chảy năm cũng giảm tương ứng. Đồng thời, với việc gia tăng sử dụng nước và phát triển thủy điện, khiến dòng chảy lũ càng giảm nhỏ (lũ 2015), dòng chảy kiệt càng xuống thấp (kiệt 2016, 2019). Trong khi đó, tại lưu vực sông Cửu Long, nước biển dâng và hạn hán càng làm cho tình trạng thiếu nước và xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng hơn (mặn xâm nhập sâu hơn trung bình 20-25 km).

(4) Khai thác, sử dụng nguồn nước chưa hợp lý ngay tại lưu vực sông Cửu Long: lưu vực sông Cửu Long là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất nước, với tổng diện tích khoảng 3,0 triệu ha, trong đó diện tích lúa từ 1,8-2,0 triệu ha, diện tích nuôi thủy sản từ 0,75-0,80 triệu ha và diện tích cây ăn trái từ 0,28-0,32 triệu ha. Để sản xuất nông nghiệp với 2-3 vụ lúa trong năm, cây ăn trái và nuôi thủy sản quanh năm, cộng với nước phục vụ sinh hoạt cho gần 18 triệu người, các

khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ..., tổng nhu cầu nước ngọt trong năm dao động từ 700-2.000 m³/s, đặc biệt vào các tháng mùa khô/kiệt, chiếm đến 15-50% dòng chảy kiệt vào lưu vực sông Cửu Long, khiến bài toán “cân bằng cung-cầu” trở thành vấn đề quan trọng hơn trong quản lý nước. Bên cạnh đó, ở nhiều vùng, đặc biệt các khu vực ven biển thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng..., tình hình khai thác nước dưới đất với quy mô lớn ngày càng diễn biến phức tạp, vừa làm giảm cung lượng và mực nước dưới đất, vừa gây ô nhiễm và nhiễm mặn nguồn nước. Ngoài ra, qua nhiều năm phát triển, với hệ thống thủy lợi các cấp trải rộng khắp lưu vực sông, gồm kênh mương, bờ bao, đê kè, cống bọng..., cùng mạng lưới giao thông thủy bộ đan dày và hệ thống hạ tầng khác, khiến vấn đề quản lý, khai thác và sử dụng nước trên lưu vực sông Cửu Long ngày càng khó khăn và khó kiểm soát.

(5) Diễn biến thiên tai và tác động của BĐKH trong thời gian gần đây dẫn đến những vấn đề cấp thiết trong quản lý nước: Hệ thống nước ở lưu vực sông Cửu Long cơ bản là hệ thống mở. Mỗi tác động từ thượng lưu, từ biển hay từ bất kỳ khu vực nào cũng đều có thể tác động đến toàn châu thổ. Do vậy, khi xuất hiện thiên tai cực trị, như lũ lớn, hạn nặng, mặn cao..., đều có tác động ít nhiều đến toàn vùng.

Trong khi đó, dưới tác động của BĐKH, thiên tai diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Hạn mặn các năm 2016, 2019 làm cho hàng nghìn ha sản xuất vùng ven biển bị thiệt hại, nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng và gây thiếu nước sinh hoạt cho người dân. Nhiều sông, kênh cạn nước cản trở giao thông thủy và làm môi trường nước ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng.

(6) Những năm gần đây, do tác động của BĐKH và NBD khiến thủy triều ngày càng cao, với triều trung bình tăng khoảng 12 cm trong 25 năm qua, trong khi đỉnh triều cường còn tăng nhiều hơn, từ 20-25 cm, là nguyên nhân gây ngập lụt nghiêm trọng các đô thị ven biển và ảnh hưởng triều, như Cần Thơ, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

(7) Đất ngập nước lưu vực sông Cửu Long có hệ sinh thái khá phong phú, trong đó, đồng lúa nước là hệ sinh thái lớn nhất và chiếm ưu thế so với các hệ sinh thái khác, với 1,9 triệu ha. Tuy nhiên, do áp lực phát triển kinh tế - xã hội và tác động của BĐKH khiến vùng đất ngập nước lưu vực sông Cửu Long ngày càng suy giảm về số lượng và chất lượng.

(8) Trước các tác động và thách thức của BĐKH, phát triển thượng lưu ngày 17/11/2017 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp theo ngày 18/6/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 78/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Với những lý do nêu trên, việc lập và phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết

đề cụ thể hóa Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập theo các quy định của Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, Luật Tài nguyên nước; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các thông tin, số liệu, ý kiến đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUY HOẠCH

1. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với các chuyên gia trong và ngoài Bộ tổ chức triển khai xây dựng dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo tham vấn lấy ý kiến góp ý cho dự thảo Quy hoạch.

2.

.....

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và Hội đồng thẩm định liên ngành, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Quy hoạch, kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY HOẠCH

1. Quan điểm

a) Tài nguyên nước được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tổng hợp theo lưu vực sông, thống nhất về số lượng, chất lượng, giữa nước mặt, nước dưới đất, liên vùng, liên tỉnh trên lưu vực; kết hợp tạo nguồn với điều hòa, phân phối sử dụng hợp lý tiết kiệm hiệu quả tài nguyên nước hiện có, bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương mà Việt Nam đã tham gia.

b) Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long được xây dựng trên cơ sở “lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi”, “xác định biến đổi khí hậu và nước biển dâng là xu thế tất yếu, phải sống chung và thích nghi”; chủ động khai thác, sử dụng hiệu quả nước lũ; các tài nguyên nước ngọt, nước mặn, lợ được gắn kết với tài nguyên đất và các tài nguyên thiên nhiên khác để xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành, lĩnh vực có khai

thác, sử dụng nước trên lưu vực; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch của các ngành có khai thác, sử dụng nước.

c) Điều hòa, phân bổ nguồn nước linh hoạt, tôn trọng quy luật tự nhiên, khả năng của nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, nâng cao giá trị của nước, bảo đảm an ninh tài nguyên nước.

d) Bảo vệ tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước đáp ứng chất lượng nước cho các mục đích sử dụng, bảo vệ nguồn sinh thủy, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông.

đ) Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra với phương châm chủ động phòng ngừa là chính để giảm thiểu tối đa tổn thất ổn định an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trên lưu vực sông Cửu Long.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm an ninh tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu trên lưu vực sông, điều hòa, phân bổ nguồn nước một cách phù hợp, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước, nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra; phục hồi các nguồn nước, cảnh quan môi trường các dòng sông bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm hài hòa lợi ích cho các địa phương, các đối tượng khai thác, sử dụng nước, đáp ứng nhu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất công nghiệp;

b) Bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ chức năng nguồn nước, nguồn sinh thủy, sự lưu thông dòng chảy, các hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị đa dạng sinh học;

c) Bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sạt, lún do khai thác nước dưới đất;

d) Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng, ưu tiên đối với các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội;

đ) Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu giám sát thực hiện quy hoạch, một số chỉ số an ninh tài nguyên nước của lưu vực sông phù hợp;

e) Phần đầu đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của quy hoạch, gồm:

- 100% các nguồn nước sông liên tỉnh được công bố khả năng tiếp nhận nước thải;

- 100% công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định;

- 100% hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học không được san lấp được công bố;

- 70% nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ được cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước;

- 50%¹ tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II và 20% từ các đô thị từ loại V trở lên được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Duy trì, phát triển tài nguyên nước, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia;

b) Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh;

c) Bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp tài nguyên nước phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; bảo đảm an ninh tài nguyên nước, nâng cao giá trị của nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

3. Nội dung Quy hoạch, gồm những nội dung chính sau đây

a) Chức năng nguồn nước;

b) Quản lý, bảo vệ, phát triển, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh nước cho các mục đích khai thác, sử dụng đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông;

c) Quản lý, khai thác, sử dụng nước bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông;

d) Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước;

đ) Công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước;

e) Bảo vệ tài nguyên nước;

g) Phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông và sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất;

h) Hệ thống giám sát tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước và chất lượng nước.

4. Giải pháp thực hiện Quy hoạch

a) Tăng cường hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy chuẩn về khai thác, sử dụng, tái sử dụng tài nguyên nước;

¹ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Giải pháp về bảo vệ, phát triển, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tái sử dụng nước bảo đảm an ninh tài nguyên nước; phòng, chống, và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra; giải pháp về khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế; giải pháp về tổ chức và giám sát thực hiện Quy hoạch; giải pháp về giáo dục và tuyên truyền thực hiện Quy hoạch.

5. Tổ chức thực hiện

Quy định phân công trách nhiệm cho các Bộ, ngành, địa phương liên quan quản lý, giám sát, tổ chức thực hiện Quy hoạch này.

V. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Các ý kiến về căn cứ lập quy hoạch

.....

2. Các ý kiến về quan điểm

.....

3. Các ý kiến về mục tiêu

.....

4. Các ý kiến về nội dung

.....

5. Các ý kiến về giải pháp thực hiện

.....

6. Các ý kiến về tổ chức thực hiện

.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình

1. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Bản đồ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Tập văn bản góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTgCP Lê Văn Thành (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TNN, TNNQG.

BỘ TRƯỞNG